|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GDĐT BÌNH DƯƠNG  **TRƯỜNG THPT THANH TUYỀN** | **ĐỀ KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN - LẦN 1**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **Môn: Ngữ văn 10**  *Thời gian làm bài*: 90 *phút, không tính thời gian phát đề* |
|  |  |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I MÔN NGỮ VĂN, LỚP 10**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết**  (Số câu) | | **Thông hiểu**  (Số câu) | | **Vận dụng**  (Số câu) | | **Vận dụng cao**  (Số câu) | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| **1** | **Đọc** | Thần thoại. | 4 | 0 | 3 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 60 |
| Sử thi |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1 | 40 |
| 2. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học. |
| **Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi** | | | ***20%*** | ***10%*** | ***15%*** | ***25%*** | ***0*** | ***20%*** | ***0*** | ***10%*** | **100** |
| **Tỉ lệ điểm các mức độ nhận thức** | | | **30%** | | **40%** | | **20%** | | **10%** | |
| **Tổng % điểm** | | | **70%** | | | | **30%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 10**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận Dụng | Vận dụng cao |
| **1** | **1. Đọc hiểu** | 1. Thần thoại. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được không gian, thời gian trong truyện thần thoại.  - Nhận biết được đặc điểm của cốt truyện, câu chuyện, nhân vật trong truyện thần thoại.  - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong truyện thần thoại.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Hiểu vàphân tích được nhân vật trong truyện thần thoại; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện; lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong truyện thần thoại.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của truyện thần thoại.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng,… trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. | 4 câu TN | 3 câu TN  01 câu TL | 1 câu Tl | 1 câu TL |
| 2. Sử thi. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật trong sử thi.  - Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.  - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.  - Nhận biết được bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong sử thi.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Hiểu vàphân tích được nhân vật trong sử thi; lí giải được vị trí, vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  - Lí giải được tác dụng của việc chọn nhân vật người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất); lựa chọn điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật, ... trong sử thi.  - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của đề tài, các chi tiết tiêu biểu, đặc trưng của sử thi.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Nêu được ý nghĩa hay tác động của tác phẩm đối với nhận thức, tình cảm, quan niệm của bản thân.  **Vận dụng cao**:  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử – văn hoá được thể hiện trong văn bản để lí giải ý nghĩa, thông điệp của văn bản.  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của thông điệp, chi tiết, hình tượng, những đặc sắc về nghệ thuật trong tác phẩm theo quan niệm của cá nhân. |
| **3** | **Viết** | 1. Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội. | **Nhận biết:**  **-** Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận.  - Mô tả được vấn đề xã hội và những dấu hiệu, biểu hiện của vấn đề xã hội trong bài viết.  - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với con người, xã hội.  - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận.  **Vận dụng cao**:  - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm,… để tăng sức thuyết phục cho bài viết.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 câuTL |
| 2. Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học. | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm.  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.  **Thông hiểu**:  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I MÔN NGỮ VĂN, LỚP 10**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT BÌNH DƯƠNG  **TRƯỜNG THPT THANH TUYỀN** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **Môn: *NGỮ VĂN 10***  *(Thời gian làm bài: 90 phút)* |

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

***Đọc văn bản sau :***

*Người anh hùng vĩ đại của thành A-ten là Tê-dê, chàng đã có nhiều cuộc phiêu lưu và tham dự nhiều sự kiệnquan trọng đến nỗi ở A-ten người ta có câu “Không có việc gì mà không có Tê-dê”*

*Chàng là con của vua Ê-giê tại A-ten. Tuy nhiên thuở nhỏ chàng sống nơi quê mẹ, trong một thành phố phía nam Hy Lạp. Ê-giê quay trở về Hy Lạp lúc Tê-dê chưa sinh ra, nhưng trước khi đi ông có đặt một thanh kiếm và một đôi giày vào trong một cái hố và lấp lại bằng một tảng đá lớn. Ông làm việc này với sự chứng kiến của vợ và dặn rằng khi nào đứa con trai – nếu nàng sinh ra con trai – của họ lớn lên đủ mạnh để lăn hòn đá này đi và lấy những thứ cất bên dưới thì hãy cho nó đến A-ten nhận cha.*

*Đứa bé sinh ra là con trai và khoẻ mạnh hơn các trẻ khác rất nhiều, thế nên khi mẹ cậu cuối cùng dẫn cậu đến nơi hòn đá thì cậu nhấc nó lên một cách dễ dàng. Bà bèn bảo cậu rằng đã đến lúc cậu đi tìm cha và đã có một chiếc thuyền được ông ngoại cậu dành sẵn cho cậu. Nhưng Tê-dê không muốn đi bằng đường thuỷ vì chuyến đi như thế quá an toàn và nhàn nhã. Ý nghĩ của chàng là sớm trở thành một đại anh hùng, và quá an toàn, dễ dãi không phải là cách để đạt tới điều đó. Chàng luôn luôn mơ tưởng được như Hê-ra-cờ-lét – vị anh hùng sáng chói nhất trong các anh hùng của người Hy Lạp, và chàng quyết định hành động sao cho sáng chói như thế. Điều này hoàn toàn tự nhiên vì hai người là anh em họ.*

*Do đó, chàng khăng khăng từ chối chiếc thuyền mà mẹ và ông ngoại chàng đã thuyết phục chàng sử dụng, chàng bảo rằng đi bằng thuyền như thế là sự lẩn trốn gian nguy một cách hèn hạ và chàng quyết tâm đi đến A-ten bằng đường bộ. Đây là một chuyến đi dài và rất nguy hiểm vì bọn cướp đầy đường. Tuy nhiên, chàng đã tiêu diệt sạch bọn chúng, chàng chẳng để sót một tên nào có thể quấy nhiều khách bộ hành tương lai […]*

**(**Theo Ê-đi Ha-min-tơn*, Huyền thoại phương Tây,* Chương Ngọc dịch, NXB Mỹ thuật, Hà Nội, 2004)

**Lựa chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

A. Nghị luận

B. Tự sự

C. Miêu tả

D. Biểu cảm

**Câu 2**. Xác định ngôi kể trong văn bản:

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ hai

C. Ngôi thứ ba

D. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

**Câu 3**. Theo văn bản, Tê-dê có nguồn gốc xuất thân như thế nào?

1. Chàng là con vua Ê-giê ở A-ten
2. Chàng sống ở phía tây thành phố Hy Lạp
3. Chàng là con thần Dớt
4. Chàng sống với cha từ thuở nhỏ.

**Câu 4.** Vì sao Tê-dê từ chối sử dụng chiếc thuyền của mẹ và ông ngoại chuẩn bị cho mình?

A. Chàng sợ đắm thuyền trên biển, không thể đi tìm cha được

B. Chàng bảo đi bằng thuyền sẽ gặp nhiều cướp trên biển

C. Chàng bảo đi bằng thuyền như thế là sự lẩn trốn gian nguy một cách hèn hạ.

D. Chàng có thể tự lo cho bản thân, không cần tới sự trợ giúp.

**Câu 5.** Ý nghĩa câu nói của người dân ở A –ten: *“Không có việc gì mà không có Tê-dê”?*

A. Biết ơn người có công với cộng đồng

B. Tôn vinh người anh hùng Tê -dê

C. Sự ngưỡng mộ đối với Tê-dê

D. Khẳng định sự nghiệp lẫy lừng của Tê-dê.

**Câu 6. C**âu nói của người dân ở A –ten: *“Không có việc gì mà không có Tê-dê”* đã thể hiện thái độ nào với người anh hùng*?*

1. Sự ngưỡng mộ
2. Lòng biết ơn
3. Thái độ ngợi ca
4. Thái độ trân trọng

**Câu 7.** Thủ pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng trong câu văn sau: “*Đứa bé sinh ra là con trai và khoẻ mạnh hơn các trẻ khác rất nhiều, thế nên khi mẹ cậu cuối cùng dẫn cậu đến nơi hòn đá thì cậu nhấc nó lên một cách dễ dàng”*

A. Nhân hoá C. Ẩn dụ

B. So sánh D. Cường điệu

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.** Theo em, mục đích của thử thách đầu tiên mà cha Tê-dê đặt ra cho con trai là gì?

**Câu 9.** Thông tin “*Nhưng Tê-dê không muốn đi bằng đường thuỷ vì chuyến đi như thế quá an toàn và nhàn nhã”* giúp em hiều gì về Tê-dê?

**Câu 10.** Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói của Tê -dê: “*Đi bằng thuyền như thế là sự lẩn trốn gian nguy một cách hèn hạ”*

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)**

Từ văn bản đọc hiểu, anh/chị hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của mình ý nghĩa của việc vượt qua những thử thách trong cuộc sống

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 10**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1** | B | 0.5 |
| **2** | C | 0.5 |
| **3** | A | 0.5 |
| **4** | C | 0.5 |
| **5** | D | 0.5 |
| **6** | C | 0.5 |
| **7** | D | 0.5 |
| **8** | Mục đích của thử thách đầu tiên mà cha Tê-dê đặt ra cho con trai là muốn kiểm tra cậu con trai xem có đủ sức mạnh về thể chất, đủ ý chí, đủ trưởng thành để đối mặt với những khó khăn thử thách trên đường đi tìm cha hay không. | 0.5 |
| **9** | Chi tiết đó đã giúp chúng ta nhận ra Tê-dê là người thích khám phá và muốn được trải nghiệm. Chàng muốn thử thách bản thân mình, muốn đối diện với gian nguy, muốn trải nghiệm để học hỏi.  - HS có cách diễn đạt tương đương vẫn cho trọn điểm. | 1.0 |
| **10** | Câu nói của Tê -dê: “*Đi bằng thuyền như thế là sự lẩn trốn gian nguy một cách hèn hạ”:* Trong cuộc sống, con người luôn phải đối mặt với những khó khăn thử thách, thay vì tìm cách né tránh, chúng ta phải đối mặt với nó và vượt qua nó để đi tới thành công.  - HS trả lời hướng vào nội dung chính và có cách diễn đạt tương tự vẫn cho trọn điểm. | 1.0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0.5 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  *Ý nghĩa, giá trị của tác phẩm Giết con sư tử ở Nê-mê.* | 0.5 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: | 2.0 |
|  | Định hướng:  **1. Mở bài**  – Nêu vấn đề cần nghị luận: ý nghĩa của việc vượt qua những thử thách trong cuộc sống  **2. Thân bài**  – Giải thích: Thử thách là những yếu tố gây khó khăn, cản trở đến việc thực hiện một công việc, một kế hoạch, một mục tiêu nào đó, buộc con người ta phải vượt qua.  – Phân tích  + Cuộc đời vốn không bằng phẳng mà luôn có những khó khăn, vấp ngã đang chờ đón con người.  + Những khó khăn của cuộc sống là môi trường để thử thách tuổi trẻ;  –  Ý nghĩa:  + Khi ta vượt qua những thử thách ta sẽ có bản lĩnh vững vàng  + Ta sẽ rèn được ý chí, nghị lực; có sức mạnh tinh thần để từng bước dấn thân vào cuộc đời; làm chủ cuộc đời của mình…  + Có thêm kinh nghiệm để phát triển tương lai  **3. Kết bài**  Phải biết thử thách là điều tất yếu để chuẩn bị tinh thần tìm mọi cách vượt qua và đi qua nó để cuộc sống tốt đẹp hơn. |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

**\**